

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 847/2020/DS-PT
Ngày 07/9/2020
V/v tranh chấp về đơn
phương chấm dứt hợp đồng
lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Út

Ông Trương Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thuý Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLPT-LĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/LĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4207/2020/QĐPT-LĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà D, sinh năm 1993;

Địa chỉ: 43/3A Ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông H, sinh năm 1993 - xin vắng mặt

Địa chỉ: 96/45 đường T, tổ 8, khu phố 5, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 001540 ngày 21/3/2020 của Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Một.

2. Bị đơn: Công ty TNHH G;

Địa chỉ trụ sở: 9A đường T, khu phố 5, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông C – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà P – xin vắng mặt

Địa chỉ: 280/120/1 đường B, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà D ký hợp đồng thử việc và làm việc tại Công ty G từ ngày 01/8/2019, sau đó mới được ký hợp đồng lao động xác định thời hạn số HD1_/HDLĐ từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/12/2019. Công việc khi thử việc và khi ký hợp đồng là nhân viên kinh doanh và quyền lợi vật chất được ghi tại Điều 3 trong hợp đồng như sau:

1. Mức lương chính là 7.000.000 đồng (bảy triệu).
2. Tiền thưởng: Dựa trên các điều khoản của Luật lao động hiện hành.
3. Chế độ nâng lương theo chính sách Công ty.

Ngày 25/10/2019, Công ty đưa Biên bản thanh lý hợp đồng lao động số TLHD1_ ngày 25/10/2019 đã có sẵn chữ ký của giám đốc được đóng dấu và đề nghị bà D nghỉ việc với lý do cắt giảm biên chế, yêu cầu bà D không được vào Công ty kể từ ngày 25/10/2019. Đồng thời, Công ty sẽ bồi thường cho bà D 02 tháng tiền lương theo mức lương thỏa thuận trong hợp đồng. Mặc dù lương thực nhận của bà D được trả dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng: Tháng 8/2019 là 17.713.042 đồng; Tháng 9/2019 là 17.211.750 đồng; Tháng 10/2019 là 18.000.000 đồng. Do đó, bà D không đồng ý ký Biên bản thanh lý hợp đồng mà chỉ ký Biên bản bàn giao trang thiết bị làm việc ngày 25/10/2019 và Công ty cũng không cho bà D tiếp tục vào làm việc kể từ ngày 25/10/2019.

Ngày 29/10/2019, bà D có đến Công ty đề nghị được tiếp tục làm việc hoặc phải có văn bản chấm dứt hợp đồng lao động đúng theo quy định pháp luật nhưng Công ty từ chối không cung cấp.

Ngày 30/10/2019, bà D đã nộp đơn hòa giải tại Phòng lao động Thương binh và Xã hội Quận 12 đồng thời đề nghị Công ty cung cấp Phiếu lương để có được số liệu chính xác mức lương thực nhận nhưng Công ty từ chối.

Ngày 01/11/2019, Công ty đã ban hành Quyết định thôi việc số 8003/QĐTV đối với bà D với lý do có đơn xin thôi việc mặc dù bà D không có đơn xin thôi việc.

Ngày 18/5/2020 (trong buổi hòa giải) cũng như tại phiên tòa, Công ty có đề nghị nhận người lao động trở lại làm việc nhưng bà D từ chối.

Bà D xác định tại kỳ trả lương tháng 10/2019, bà D có nhận số tiền: 1.750.000 đồng từ Công ty nhưng Công ty không có diễn giải nên bà D hiểu rằng đây là số tiền thuộc tiền lương được chuyển khoản ghi nhận trong bảng sao kê ngân hàng. Thời điểm nhận vào ngày 02/11/2019 tại kỳ trả lương tháng 10/2019 (tức 1.750.000 đồng là trong tổng số tiền trả 33.686.154 đồng).

Nay bà D khởi kiện với yêu cầu:

1. Thanh toán tiền lương trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 01/11/2019 đến hết ngày 30/12/2019: 17.641.597 đồng x 02 tháng = 35.283.194 đồng (căn cứ vào mức lương bình quân của tháng 8, 9, 10/2019).

Tuy nhiên, nguyên đơn đã nhận được số tiền 14.000.000 đồng là lương cơ bản của tháng 11, 12/2019. Do đó, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Công ty trả thêm số tiền lương của tháng 11, 12/2019 là 21.283.194 đồng (35.283.194 đồng – 14.000.000 đồng).

2. Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: $17.641.597 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 35.283.194 \text{ đồng}$.

3. Yêu cầu trả trợ cấp thôi việc: 4.410.399 đồng (do có 02 tháng thử việc từ tháng đầu tháng 8/2019 đến hết tháng 9/2019 nên được làm tròn là nửa năm và theo quy định chi trả trợ cấp thôi việc trong trường hợp này được tính là $\frac{1}{4}$ tháng lương tức 17.641.597 đồng/4).

4. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 01/11/2019 đến hết ngày 30/12/2019 theo mức lương 17.641.597 đồng.

Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đến hết ngày 31/10/2019 và đã trả số bảo hiểm cho bà D, mã số 7915054397 do Bảo hiểm xã hội huyện Hóc Môn cấp ngày 27/01/2015.

5. Bồi thường 01 tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước: 17.641.597 đồng vì theo luật định thì hợp đồng có thời hạn sẽ có thời gian báo trước chấm dứt hợp đồng lao động là 30 ngày.

6. Bồi thường thêm 02 tháng tiền lương để chấm dứt Hợp đồng lao động: $17.641.597 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 35.283.194 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền mà Công ty phải trả cho bà D là 113.901.578 đồng.

Nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty TNHH G, ủy quyền cho ông A, trình bày:

Công ty xác nhận về quá trình tuyển dụng, hợp đồng lao động số HD1_8003/HĐLĐ từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/12/2019 với vị trí công việc đã nêu trong hợp đồng, xác nhận việc chấm dứt hợp đồng lao động như bà D đã trình bày. Tuy nhiên, đây là hợp đồng lao động thời vụ vì thời hạn hợp đồng chỉ có thời hạn 03 tháng.

Về hình thức trả tiền và mức lương:

Công ty trả tiền cho bà D dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng vào mỗi tháng. Mức lương mà công ty trả cho nguyên đơn là 7.000.000 đồng/tháng căn cứ vào hợp đồng lao động, còn lại là các khoản tiền (ví dụ theo bảng liệt kê lương tháng 8, 9, 10 của năm 2019) gồm:

+ Chuyên cần là 300.000 đồng (nếu đi làm đầy đủ).

+ Hỗ trợ thuê nhà ở: 200.000 đồng/tháng.

+ Hỗ trợ xăng xe: 50.000 đồng/tháng.

+ Tiền công ngày thứ 27: (Lương + hỗ trợ công việc): 26 công. Chỉ được tính khi tháng có ngày 31 (Tháng làm việc được tính 26 ngày công).

+ Tiền hỗ trợ công việc: Tổng lợi nhuận trước thuế chia số lượng phòng ban. Số tiền từng phòng ban được nhận sẽ chia cho từng nhân sự trong mỗi phòng ban. Do đó, số tiền hỗ trợ công việc không cố định. Chẳng hạn, 17.450.000 đồng là **tiền hỗ trợ công việc** của tháng 10/2019 được diễn giải cột **lương thực nhận** trong bảng lương tháng 10/2020.

Công ty không vi phạm về thời hạn báo trước cho người lao động trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động bởi lẽ khi Công ty đề nghị bà D ký Biên bản thanh lý hợp đồng lao động là đã bao gồm cả việc thực hiện nghĩa vụ thông báo chấm dứt hợp đồng lao động bắt đầu từ ngày 01/11/2019.

Tại phiên tòa, Công ty vẫn giữ nguyên đề nghị nhận người lao động trở lại làm việc đồng thời xác định ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

1. Chỉ đồng ý thanh toán tiền lương trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 01/11/2019 đến hết ngày 30/12/2019: 7.000.000 đồng * 02 tháng = 14.000.000 đồng và đã trả xong cho người lao động.

Do đó, Công ty không đồng ý trả thêm số tiền lương của tháng 11, 12/2019 là 21.283.194 đồng (35.283.194 đồng – 14.000.000 đồng) như nguyên đơn yêu cầu.

2. Chỉ đồng ý bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 7.000.000 đồng x 02 tháng = 14.000.000 đồng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động.

3. Không đồng ý trả trợ cấp thôi việc bởi vì thời gian làm việc của nguyên đơn chưa đủ để được hưởng trợ cấp thôi việc.

4. Chỉ đồng ý đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 01/11/2019 đến hết ngày 30/12/2019 trên cơ sở mức lương 7.000.000 đồng/tháng.

Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đến hết ngày 31/10/2019 và đã trả sổ bảo hiểm cho bà D.

5. Không đồng ý bồi thường 01 tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước: 17.641.597 đồng. Bởi vì, đây là hợp đồng lao động thời vụ nên thời hạn báo trước là 03 ngày. Và công ty đã báo cho người lao động từ ngày 25/10/2019 thể hiện qua Biên bản thanh lý hợp đồng mà người lao động đã xác nhận tại nội dung đơn kiện.

6. Không đồng ý bồi thường thêm 02 tháng tiền lương: 17.641.597 đồng x 02 tháng = 35.283.194 đồng để chấm dứt Hợp đồng lao động. Bởi vì:

+ Công ty có đề nghị nhận người lao động trở lại làm việc từ thời điểm hòa giải ngày 18/5/2020 và ngay tại phiên tòa Công ty vẫn giữ đề nghị này.

+ Công ty đã trả tiền trợ cấp cho người lao động tìm việc làm mới, số tiền: 1.750.000 đồng, thời điểm trả vào ngày 02/11/2019 tại kỳ trả lương tháng 10/2019 (tức 1.750.000 đồng là trong tổng số tiền trả 33.686.154 đồng).

Với nội dung vụ án nêu trên Tòa án nhân dân Quận 12 đã tuyên án.

Căn cứ vào Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 188, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 5, Điều 22, Điều 23, Điều 38, Điều 42, Điều 48, Điều 90 Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D.

Buộc Công ty TNHH G trả cho bà D số tiền 92.713.461 đồng (chín mươi hai triệu bảy trăm mười ba ngàn bốn trăm sáu mươi một) sau khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày đến hạn thi hành án và bà D có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH G chưa thi hành xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Ngày 01/11/2019 là thời điểm mà Công ty TNHH G tiếp tục thực hiện nghĩa vụ và xác nhận về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà D đến hết ngày 30/12/2019 theo mức lương 17.450.000 đồng/tháng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn).

Sau khi án có hiệu lực mà Công ty TNHH G chậm thực hiện nghĩa vụ và chậm xác nhận về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/12/2019) cho bà D thì bà D được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định pháp luật với mức lương 17.450.000 đồng/tháng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Công ty TNHH G phải trả trợ cấp thôi việc số tiền là 4.410.399 đồng (bốn triệu bốn trăm mười ngàn ba trăm chín mươi chín).

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH G phải chịu án phí lao động có giá ngạch là 2.781.403 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi một ngàn bốn trăm lẻ ba) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cũng như nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Với quyết định nêu trên:

Ngày 25/6/2020 Công ty TNHH G kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 92.713.461 đồng; đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương 17.450.000 đồng; nộp án phí sơ thẩm.

Ngày 24/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị bản án sơ thẩm theo quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/6/2020 đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của bị đơn về tiền lương làm căn cứ tính bồi thường do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là tiền lương được tính theo hợp đồng lao động, xác định bị đơn không vi phạm vào thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn cùng thỏa thuận: Nguyên đơn đồng ý việc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Quyết định thôi việc số 8003/QĐTV ngày 01/11/2019 của Công ty TNHH G đối với bà D, hạn chót thanh toán là vào ngày 21/9/2020. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác đối với Công ty TNHH G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án do đó Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, biên bản thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn đề ngày 7/8/2020, sau khi phân tích, đánh giá về kháng cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, đối chiếu những căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận định:

[1] Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/LĐ-ST của Tòa án nhân dân Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày ngày 12 tháng 6 năm 2019, Ngày 24/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị bản án sơ thẩm theo quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/6/2020, Ngày 25/6/2020 Công ty TNHH G kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Vì vậy, đơn kháng cáo của bị đơn

nằm trong thời hạn luật định, bị đơn có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy việc các đương sự đã tự hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình xử bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Trong trường hợp này, bị đơn vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo giá trị thỏa thuận tại tòa án cấp phúc thẩm và phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 298; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Luật Phí và lệ phí;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Chấp nhận việc rút kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/LĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Công ty TNHH G đồng ý bồi thường cho bà D 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Bà D đồng ý với khoản bồi thường trên và không còn yêu cầu gì khác đối với Công ty TNHH G.

1.2 Thời hạn thanh toán số tiền trên hạn chót là vào ngày 21/9/2020.

1.3 Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH G chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền bồi thường trên thì hàng tháng Công ty TNHH G còn phải trả cho bà D số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH G phải chịu là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng). Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

3. Án phí dân sự phúc thẩm Công ty TNHH G phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên thu tiền tạm ứng án phí số 0104821 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THA DS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Liên Minh